TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2017/HNGĐ-ST
Ngày 11 - 8 - 2017
"V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*Ông **Thạch Thuône**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Kim Ngọc Châu**
2. Ông **Kim Diễn**

Thư ký phiên tòa: Bà **Kim Thị Bô Na**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông **Trầm Văn Mừng**, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, tiến hành đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 143/2017/TLST- HNGĐ, ngày 21/4/2017 về việc "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*", theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn:* Bà **Thạch Thị S**, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Ông **Ngô L,** sinh năm 1986 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp X, xã K, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2017 của nguyên đơn bà Thạch Thị S trình bày về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2011, do quen biết nên bà và Ngô L tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kim Sơn, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh theo quy định của pháp luật vào ngày 04/3/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với cha mẹ ruột tại ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Trà Vinh, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc. Đến năm 2015, thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, ông L sống không chung thủy dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi và từ đó đã sống ly thân với nhau đến nay. Quá trình ly thân, hai bên có tạo điều kiện hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy vợ chồng ly thân đã lâu, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên bà yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: Thời gian chung sống vợ chồng có 01 người con chung tên Ngô Yến Ng, sinh ngày 22/12/2011, hiện do bà đang trực tiếp nuôi dưỡng nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Thạch Thị S khai rằng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Ngô L đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ hai lần để dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông L vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Theo biên bản xác minh ngày 26/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú về tình trạng hôn nhân, con chung của bà S và ông L thì được đại diện chính quyền địa phương cho biết hiện tại vợ chồng bà S và ông L đã ly thân với nhau, giữa bà S và ông L có một người con chung hiện đang chung sống với bà S.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Thạch Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu; bị đơn ông Ngô L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể: Về thủ tục nhận và xử lý đơn khởi kiện đúng theo quy định tại Điều 191 Bộ luật tố tụng dân sự; về thẩm quyền thụ lý vụ án đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật tranh chấp Tòa án nhân dân huyện Trà Cú xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; về tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng Tòa án xác định đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự; về thủ tục giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải diễn ra đúng theo trình tự thủ tục, nội dung quy định từ Điều 205 đến

Điều 211 Bộ luật tố tụng dân sự; về việc thu thập chứng cứ Thẩm phán tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 97, Điều 99 Bộ luật tố tụng dân sự; về thủ tục gởi văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và các đương sự đảm bảo theo quy định tại các Điều 196, 208 và Điều 220 Bộ luật tố tung dân sự; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự; về thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi đưa vụ án ra xét xử thì nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Còn bị đơn đã không chấp hành đúng nghĩa vụ của của mình được quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét, thẩm tra tại phiên tòa nhận thấy: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn bà Thạch Thị S và bị đơn ông Ngô L phát sinh mâu thuẫn, tính tình không hợp, thường xuyên cự cải, nguyên đơn nhiều lần khuyên nhưng bị đơn không thay đổi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu. Do đó, việc yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận; về con chung từ khi bà S và ông Ngô L ly thân đến nay thì con chung tên Ngô Yến Ng, sinh ngày 22/12/2011 sống chung với bà S, ông Ngô L không tới lui chăm sóc, do đó để ổn định cuộc sống và sự phát triển sau này của cháu nên việc nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là có căn cứ chấp nhận; về phần cấp dưỡng nuôi con nguyên đơn không yêu cầu nên không đề nghị xem xét, nếu sau này có yêu cầu thì dành cho nguyên đơn một vụ liện khác.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn bà Thạch Thị S được ly hôn với bị đơn ông Ngô L; Về con chung giao cháu Ngô Yến Ng, sinh ngày 22/12/2011 cho bà Thạch Thị S được tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Ngô L không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về án phí do nguyên đơn là người dân tộc Khmer (dân tộc thiểu số), sinh sống trên địa bàn xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (xã bãi ngang ven biển) theo quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội đề nghị miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho nguyên đơn. Hoàn trả lại cho nguyên đơn 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008116 ngày 17/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Cú.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Thạch Thị S yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Ngô L và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Ngô Yến Ng, nên đây là vụ kiện "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn ông Ngô L có địa chỉ cư trú tại ấp X, xã K, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

[2] Bị đơn ông Ngô L đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ hai lần vào ngày 19/6/2017 và ngày 26/6/2017 để dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, và triệu tập xét xử vào ngày 26/7/2017 nhưng trong các lần triệu tập ông L đều vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án. Tại phiên tòa ông L vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Tòa án nhân dân huyện Trà Cú căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Thạch Thị S và ông Ngô L tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kim Sơn, huyện Trà Cú đúng quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa bà S và ông L là hợp pháp. Sau khi kết hôn bà S và ông L cùng sống chung với cha mẹ của bà S tại ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Trà Vinh có hạnh phúc đến năm 2015 thì bà S và ông L xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cự cải với nhau, do ông L quen với người phụ nữ khác, sống không chung thủy với bà S. Từ đó, bà S và ông L đã sống ly thân với nhau đến nay, thời gian ly thân mặc dù hai bên gia đình có tạo điều kiện hàn gắn nhưng không có kết quả. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho bà S và ông L nhiều lần để tiến hành hòa giải cho bà S và ông L đoàn tụ nhưng ông L đều vắng mặt không có lý do. Điều này, chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa bà S và ông L đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, việc bà S yêu cầu được ly hôn với ông L là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống giữa bà S và ông L có 01 người con chung tên Ngô Yến Ng, sinh ngày 22/12/2011, kể từ ngày bà S và ông L ly thân thì bà S là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng, xét thấy về điều kiện nuôi dưỡng con

chung của bà S là đảm bảo, quá trình cháu Ng sinh sống với bà S về thể chất và tinh thần phát triển bình thường như bao đứa trẻ khác. Do đó, việc bà S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Ngô Yến Ng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa mặc dù Hội đồng xét xử có giải thích cho bà S biết đây là quyền lợi của người con khi chung sống với bà nhưng bà S vẫn không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này bà S có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Thạch Thị S xác định không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn bà Thạch Thị Si phải chịu. Tuy nhiên, do bà Thạch Thị S là người dân tộc Khmer (dân tộc thiểu số), sinh sống trên địa bàn xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (xã bãi ngang ven biển) theo quy định của Chính phủ nên được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định. Về số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình bằng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008116 ngày 17/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Cú, thì bà Si được nhận lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị S.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Thạch Thị S được ly hôn với ông Ngô L.

- Về con chung: Giao cháu Ngô Yến Ng, sinh ngày 22/12/2011 cho bà Thạch Thị S được tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Ngô L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông L không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, đồng thời ông L phải có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với bà S. Vì lợi ích của con thì một trong hai bên còn quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Thạch Thị S dược miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả lại cho bà Thạch Thị S số

tiền tạm ứng án phí đã nộp trước bằng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008116, ngày 17 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Ông Ngô L không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã Kim Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Thạch Thuône